

Lý tưởng Phật giáo hướng đến trẻ em khuyết tật ở Thái Lan: cái nhìn qua lăng kính của các hiệu trưởng trường dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật

Sermsap Vorapanya(*) - Diane Dunlap(**)

Hoàng Thị Phương Thảo dịch

Quyền phát triển tiềm năng của trẻ em khuyết tật đã là mối quan tâm của toàn thế giới và được phản ánh trong nhiệm vụ của Hội Nghị về Quyền Trẻ Em (1989). Nhiệm vụ của Liên Hiệp Quốc đã đưa giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trở thành một khung đạo đức. Năm năm sau khi được viết, vào tháng Sáu 1994, đại diện của 92 chính phủ và 25 tổ chức quốc tế đã thành lập Hội Nghị thế giới về Giáo dục cho trẻ khuyết tật/cần trợ giúp đặc biệt và được tổ chức tại Salamanca, Tây Ban Nha. Họ đã phát đi một tuyên bố mới, được gọi là Tuyên Bố Salamanca, kêu gọi việc giáo dục cho tất cả trẻ em khuyết tật phải được trở thành một quy tắc. Tuyên bố cho rằng các trường học bình thường dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật là phương tiện hiệu quả nhất để đấu tranh chống lại thái độ kỳ thị, tạo nên các cộng đồng thân

(*) Tiến sỹ Sermsap Vorapanya Trường Naraiwittaya Lopburi, Thái Lan

(**) Tiến sỹ Diane Dunlap Chuyên ngành giáo dục, Đại học Oregon, Oregon, Mỹ

thiện, xây dựng một xã hội hòa nhập và đạt tới mục tiêu “giáo dục cho tất cả”. Ngoài ra, Tuyên bố cũng cho rằng các trường dạy hòa nhập là nơi cung cấp giáo dục hiệu quả cho phần lớn trẻ em và tăng cường hiệu suất, và cuối cùng là tiết kiệm được chi phí của toàn bộ hệ thống giáo dục (UNESCO, 1994). Trong bài phát biểu “Một cuộc sống phẩm giá cho tất cả” của Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-Moon, ông cho rằng phải có hành động quyết liệt để đạt được Mục Tiêu Thiên Niên Kỷ của Liên Hiệp Quốc “ Khung hành động phải dựa trên quyền con người, đặt biệt là quyền của phụ nữ, trẻ em và những nhóm người bị gạt ra ngoài rìa xã hội...” (UN MDGs, 2012).

Tình hình giáo dục đặc biệt tại Thái Lan

Giáo dục đặc biệt tại Thái Lan phải được nhìn trong bối cảnh văn hóa, đặc biệt là về mặt tôn giáo và cấu trúc gia đình. Chín mươi phần trăm người Thái theo đạo Phật. Một điều quan trọng phải hiểu là hầu hết Phật tử đều tin vào sự thuyết luân hồi: nếu chúng ta làm điều tốt, chúng ta sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn ở kiếp sau. Khuyết tật được xem là hậu quả phải có do những điều đã làm từ các kiếp trước. Theo truyền thống, hầu hết đại gia đình người Thái sẽ cùng làm việc để hỗ trợ cho cha mẹ và trẻ em khuyết tật tại nhà. Việc đến trường học không phải là lựa chọn của hầu hết mọi người, mặc dù nơi gia đình sống, mức độ giáo dục và tình hình kinh tế là những yếu tố trong việc khởi xướng dịch vụ cho trẻ khuyết tật. Các gia đình Thái nghèo và sống ở vùng nông thôn ít biết về các chương trình hiện có và cũng ít mong muốn hay ít có khả năng tiếp cận các dịch vụ này (Fulk, Swerlik, & Kosuwan, 2002). Trong những năm qua, những người giàu có và có học vấn hơn có thể không công khai thừa nhận về con cái khuyết tật của họ, nhưng họ vẫn tìm đến những dịch vụ tư dành cho các em này.

Hệ thống giáo dục ở Thái Lan được quản lý bởi chính phủ thông qua các cơ quan trung ương, khu vực dịch vụ giáo dục và các trường học. Trẻ em tham gia học trong các cơ sở giáo dục cơ sở từ 7 tuổi đến 16 tuổi. Giáo dục cơ sở bao gồm bậc học mẫu giáo, sáu năm tiểu học, 3 năm trung học cơ sở và 3 năm trung học phổ thông (Office of Education Council, 2006).

Cục Quản Lý Giáo Dục Đặc Biệt giám sát việc giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật. Chính quyền nhận thấy có 9 loại khuyết tật: (a) khuyết

tật thính giác (khiếm thính), (b) khuyết tật trí tuệ, (c) khuyết tật thị giác (khiếm thị), (d) khuyết tật về thể chất hoặc do bệnh tật,(e) khiếm khuyết về khả năng học tập, (f) tự kỷ, (g) rối loạn hành vi hay rối loạn cảm xúc, (h) rối loạn ngôn ngữ, (i) đa khuyết tật. Phòng Phát Triển Xã Hội và Phúc Lợi Công Cộng, một số trường thực nghiệm thuộc đại học, các trường thuộc thành phố và các tổ chức tư nhân khác là những nơi cung cấp dịch vụ giáo dục. Một vài bệnh viện cũng tổ chức các lớp học cho những trẻ em bị bệnh mãn tính. Hiện nay có 3 loại trường mà trẻ khuyết tật có thể được dạy dỗ. “Trường chuyên biệt” được thiết kế đặc biệt cho trẻ khuyết tật trí tuệ, khuyết tật thể chất, khiếm thính và khiếm thị. Tuy nhiên trên thực tế thì tất cả trẻ khuyết tật đều có thể được nhận vào các trường này. Ở Thái Lan có 43 trường chuyên biệt như vậy. Tương tự như “trường chuyên biệt” là các “trung tâm chuyên biệt”, mỗi tỉnh thành trên cả nước đều có một trung tâm, các trung tâm cung cấp dịch vụ tại những nơi được thiết kế đặc biệt trong các trường dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật, bệnh viện, và tại nhà. Họ nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo ngắn hạn cho trẻ khuyết tật. Họ cũng tổ chức các cuộc họp và hội thảo cho phụ huynh và nhân viên các tổ chức khác nhau. “Trường dạy hòa nhập” là một phần quan trọng trong việc giáo dục cho trẻ khuyết tật. Hiện đang có 18,618 “trường dạy hòa nhập” hay là trường bình thường nhưng chấp nhận trẻ khuyết tật vào học. Để giáo dục học sinh khuyết tật, các trường này nhận được sự hỗ trợ từ các “trường chuyên biệt” và “trung tâm chuyên biệt” thông qua việc cung cấp giáo viên, huấn luyện, tài liệu, trang thiết bị và sự hợp tác của các cơ quan liên quan.

Ngân sách dành cho việc giáo dục học sinh khuyết tật đến từ 2 nguồn chính: sự phân bổ thường xuyên từ văn phòng Ủy Ban Giáo Dục Cơ Sở (office of Basic Education Commission) và từ Quỹ Giáo Dục cho học sinh khuyết tật. Năm 2004, văn phòng Xổ Số Chính Phủ (Government Lottery Office) cũng đóng góp cho Quỹ 200 triệu baht để cấp học bổng cho giáo viên nghiên cứu sâu hơn về những lĩnh vực liên quan đến việc giáo dục đặc biệt. Các quỹ này được cho là không đủ để phục vụ cho toàn bộ dân số và việc Thái Lan cần phải làm thế nào để việc dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật trở nên sâu rộng và thành công đang là một vấn đề rất được quan tâm (Office Evaluation Regional 4th, 2004).

Nghiên cứu định lượng: Quần thể nghiên cứu (population) và Lấy

mẫu (Sampling)

Quần thể cho nghiên cứu định lượng này gồm các trường ở miền Trung Thái Lan được chính phủ xác định là “trường dạy hòa nhập” (1,499 trong tổng số 18,618 trường). 1,499 trường này nằm ở 29 tỉnh thuộc miền Trung Thái Lan, trong đó có Bangkok, thủ đô và là thành phố lớn nhất của Thái Lan (Office of the Basic Education Commission Department Operation Center, 2005). Khu vực này của Thái Lan được chọn do một số lý do sau đây. Thứ nhất, Thái Lan gồm những khu vực rất khác nhau về mặt xã hội và địa lý, những điều tìm thấy được qua nghiên cứu ở vùng này có thể không áp dụng được ở vùng khác. Vì không thể tiến hành một nghiên cứu trên toàn đất nước do hạn chế về thời gian, khu vực mà việc dạy hòa nhập tốt nhất Thái Lan đã được chọn. Dự định của nghiên cứu là xác định thể nào là dạy hòa nhập tốt nhất hiện nay và làm thế nào để chính phủ mở rộng việc dạy hòa nhập này trong tương lai gần; điều này rất hợp lý khi bắt đầu tại nơi mà hầu hết việc dạy hòa nhập đã được triển khai. Hơn nữa, không phải tất cả mọi nơi ở Thái Lan đều là nơi có thể tiếp cận được, cũng như không phải nơi nào ở Thái Lan cũng an toàn để tiến hành nghiên cứu. Khu vực được chọn là nơi vừa có thể tiếp cận được, vừa là nơi an toàn cho những người tham gia nghiên cứu.

Mẫu của nghiên cứu này được lấy từ quần thể là những trường dạy hòa nhập được chỉ định bởi liên bang. Mười trong số các trường này được công nhận từ Bộ Giáo Dục năm 2006 như là những nơi “thực hiện tốt nhất” việc dạy hòa nhập ở miền trung Thái Lan. Tất cả 10 trường này đều được mời tham gia nghiên cứu vì những người nghiên cứu mong muốn học hỏi những gì được cho là “tốt nhất” hơn là chọn mẫu ngẫu nhiên từ các trường trong toàn khu vực

Bảng: Các trường tham gia vào nghiên cứu Các Trường Dạy Hòa Nhập ở Thái Lan

Trường tư:

1. Anantaa School, Bangkok
 2. Supawan School, Bangkok
 3. Satit Bangna School, Bangkok
 4. Sanitwittaya School, Angtong
 5. Kumjonwit School, Lopburi
 6. Preedawit School, Supanburi
-

Trường công:

7. Kasetsart Laboratory School, Bangkok
 8. Piboonprachasan School, Bangkok
 9. Nongsou Roungwittayanugoon School, Nakornpratom
 10. Sarmsanenork School, Bangkok
-

Kết quả nghiên cứu:

Nhận thức của xã hội và văn hóa Thái:

Nhiều hiệu trưởng giải thích rằng việc trở thành trường dạy hòa nhập bị chậm lại là do thái độ chủ yếu trong văn hóa của người Thái đối với người khuyết tật là trách móc. Theo đạo Phật thì những người sinh ra bị khuyết tật là do nghiệp chướng từ kiếp trước. Vị trí xã hội rất được coi trọng và những người khuyết tật bị cho là có vị trí xã hội thấp hơn.

Vai trò của lòng từ bi:

Bởi vì đa số người Thái theo đạo Phật và lòng từ bi đối với tất cả sinh vật là trung tâm của việc thực hành đạo Phật, nên không có gì ngạc nhiên khi bảy trong số 10 hiệu trưởng nhắc đến điều thúc đẩy việc thực hiện dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật chính là lòng từ bi. Một hiệu trưởng nói rằng: “Nguyên tắc quan trọng của người làm việc với trẻ cần trợ giúp đặc biệt đầu tiên là tình thương, lòng từ bi và sự kiên nhẫn.”

Bảy người thể hiện những khía cạnh khác nhau của lòng từ bi đối với học sinh khuyết tật. Mỗi người đều lấy từ bi để chống lại lòng tin rằng khuyết tật là do ác nghiệp. Một hiệu trưởng chia sẻ rằng do là một người thực hành đạo Phật nghiêm túc, bà đã học được từ *Pratibidok* (Buddhish Bible) rằng những khuyết tật trong kiếp này là do ác nghiệp từ kiếp trước mà thành. Bà nói với các giáo viên và nhân viên khác rằng lý do mà họ phải chăm sóc những người khuyết tật này “là do chúng ta có quan hệ về mặt nào đó với họ ở kiếp trước, vì vậy mà kiếp này chúng ta phải giúp họ”. Nói chuyện với giáo viên và nhân viên, bà hiệu trưởng tin rằng nó cho phép họ hiểu rằng chúng ta phải giúp đỡ học sinh khuyết tật và việc tránh xa hay không cho học sinh khuyết tật đến trường là điều không đúng. Hiệu trưởng này cũng cho rằng dường như không phải tất cả các gia đình đều đối xử tốt với

trẻ khuyết tật. Vài gia đình trừng phạt thay vì yêu thương trẻ. Từ kinh nghiệm làm việc với trẻ khuyết tật, bà nói thỉnh thoảng trẻ bị gia đình đối xử rất tệ:

Có khi tôi nhìn thấy vết cấu véo trên người các em. Tôi rất đồng cảm với các em bị ghét bỏ bởi những người đáng ra phải thương yêu các em. Tôi hầu như đã khóc khi gặp những trường hợp như thế, vì vậy nguyên tắc của tôi đối với tất cả mọi người ở trường này là phải yêu và mang đến tình thương cho các em.

Hiệu trưởng một trường công kể về kinh nghiệm làm việc ở một trường công dạy hòa nhập cho học sinh khuyết tật trước đây như sau:

Có một cô bé bị hội chứng Down ngày nào cũng vào văn phòng tôi. Cô bé đến gặp tôi vì cô bé biết lúc nào tôi cũng có ở đó, rồi sau đó mới vào lớp sau khi đã ôm tôi. Thỉnh thoảng cô bé lại nói là ghét thầy cô này kia, vân vân... Tôi liền bảo rằng thầy cô rất yêu thương em và muốn có em trong lớp. Cô bé suy nghĩ lại và sau đó lại vào lớp học. Việc đó đã trở thành một thói quen với tôi.

Hiệu trưởng này nói rằng đó là cơ hội để cho cô bé thấy là mọi người đều yêu thương cô bé. Bà cũng cho rằng cô bé này là điển hình cho những học sinh cần hỗ trợ về mặt tình cảm cũng như giáo dục. Bà kể rằng sau khi bà chuyển sang trường khác, bà mất liên lạc với cô bé đó. Khi tình cờ về trường cũ dự cuộc họp, bà mới biết là cô bé đã nghỉ học. Giáo viên đang dạy lớp cô bé nói rằng cô bé đã vào phòng tìm gặp bà nhưng chỉ gặp được một người khác. Hiệu trưởng mới thấy cô bé ngồi chờ đã bảo cô bé đi ra. Hình như cô bé đã cố nói cho người hiệu trưởng mới hiểu nhưng không được. Cô bé bị buộc quay lại lớp học, cô bé đã khóc rất lâu. Hôm sau thì mẹ cô gọi điện báo là cô bị bệnh và cô bé đã không quay lại lớp học từ đó. Hiệu trưởng này học được rằng một số em sẽ rất đau khổ khi không còn tình thương và bà đã nói về việc một người có thể làm cho sự việc diễn ra rất nhanh chóng theo hai hướng khác nhau như thế nào - hoặc là sẽ giúp học sinh học, hoặc sẽ hủy hoại sự tự tin của các em. Bà kết luận rằng sự kiện buồn này là một ví dụ điển hình của việc thiếu tình thương, thiếu quan tâm và chăm sóc đối với từng học sinh khuyết tật. Bà cũng nói bà đã học được một điều rằng chỉ sự quan tâm thôi đã có ảnh hưởng nhiều hơn so với những gì chúng ta mong đợi. Do đó, trao cho các em tình thương và

sự chăm sóc sẽ làm cho việc đến trường của các em thêm nhiều niềm vui. Bà nói thêm “tôi không hy vọng các em sẽ đáp ứng yêu cầu về học thuật một cách dễ dàng, nhưng tôi chỉ mong muốn các em được phát triển theo tốc độ riêng của mình”.

Một hiệu trưởng trường tư khác nói về việc làm thế nào để đương đầu với nhận thức về khuyết tật. Bà nhìn nhận lòng từ bi theo một cách khác. Bà giải thích:

“Khi nhận trẻ khuyết tật vào trường, tôi không nghĩ về lòng từ bi như những người khác mà như một hiệu trưởng. Tôi tự nhủ rằng mỗi đứa trẻ Thái lan đều có quyền được đến trường. Nếu bạn nghĩ rằng đó là quyền được giáo dục của trẻ thì bạn sẽ thể hiện lòng từ bi và nhân ái với các em. Do đó, bất chấp khuyết tật của mình, các em phải nhận được sự giáo dục như những trẻ bình thường khác.”

Bà cũng mạnh mẽ đề nghị rằng trong tương lai, các hiệu trưởng nên được dạy nguyên tắc này trong trường sư phạm để khi ai đó trở thành giáo viên thì đều phải cân nhắc về quyền của trẻ em và nhiệm vụ của giáo viên. Sau này khi trở thành hiệu trưởng họ sẽ biết nên làm gì để hỗ trợ việc dạy hòa nhập cho học sinh khuyết tật theo một cách đầy tình thương. Các hiệu trưởng khác cũng nói về sự cần thiết phải huấn luyện một cách nhẹ nhàng cho nhân viên nhà trường, các phụ huynh, trẻ em và thành viên cộng đồng về việc làm thế nào để tình thương đánh bại thành kiến về người khuyết tật.

Tuy vậy, ở xã hội Phương Tây, vai trò của lòng từ bi thể hiện qua hình thức đạo đức được thúc đẩy thông qua phong trào đòi quyền công dân để **tạo ra nhận thức** đối với trẻ em khuyết tật. Vào những thập niên 60, phong trào đấu tranh đòi quyền công dân ở Mỹ đã cho thấy rõ thành kiến và phân biệt về giáo dục đối với công dân Mỹ gốc Phi (Korstad & Lichtenstein, 1988). Phong trào đấu tranh đòi quyền của người khuyết tật đã sử dụng những cách thức và lý lẽ tương tự để gia tăng nhận thức về những vấn đề cố hữu trong việc phân biệt đối xử với người khuyết tật, xây dựng nền tảng đạo đức căn bản cho việc dạy hòa nhập (Scotch, 2008). Lý lẽ đạo đức rất đơn giản, đó là trẻ khuyết tật cũng phải được tham gia vào các chương trình và hoạt động hàng ngày như các trẻ em khác (Bricker, 1978). Sự khẳng định

đạo đức này đã được diễn dịch theo nhiều cách khác nhau tùy theo từng nhóm người khác nhau. Một số người kiến nghị rằng hòa nhập toàn diện phải được áp dụng cho tất cả trẻ em trong tất cả các hoàn cảnh bởi niềm tin rằng sự phân biệt đối xử có hệ thống đối với bất cứ nhóm trẻ em hay gia đình nào đều không thể chấp nhận được, lý lẽ đạo đức này không dựa trên nền tảng luật pháp hay kinh nghiệm mà dựa trên giả định rằng dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật là điều nên làm và vì vậy, không được thỏa hiệp (Stainback & Stainback, 1992).

Dạy trẻ có nhu cầu đặc biệt: những giá trị và thái độ

Một hiệu trưởng nói rằng trong hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc, bà luôn tìm những giáo viên “có trái tim vàng” hơn là những giáo viên có những kỹ năng cụ thể. Bà cho rằng có thể dạy những kỹ năng cần thiết chứ không thể thay thế người thầy quan tâm thật sự đến việc giảng dạy và học sinh. “Nếu không có trái tim thì không thể trở thành giáo viên giỏi”, bà nói.

Ngược lại, hiệu trưởng của một số trường mà ở đó giáo viên có thái độ tích cực đối với công việc của mình và học sinh nói rằng bất cứ lúc nào thì học sinh cũng đều có thể cho biết một giáo viên có quan tâm đến mình hay không. Một hiệu trưởng chia sẻ rằng thật khó mà thay đổi thái độ của mọi người một sớm một chiều. Vì là một Phật tử nhiệt tình, bà nói tới giáo pháp trong các cuộc họp,, với hy vọng nó sẽ đi vào trái tim và tâm hồn của giáo viên. Bà nói, phương pháp này rất hiệu quả, vì bà có thể thấy tính tình của thầy cô đã mềm mỏng hơn khi họ thể hiện sự chăm sóc của mình đối với học sinh khuyết tật. Ngoài việc đào tạo về học thuật, nhà trường còn tổ chức các “Trại hè giáo pháp” nơi các nhà sư hướng dẫn toàn trường hành thiền. Bà đồng ý rằng không dễ xử lý những thái độ tiêu cực hay bướng bỉnh của con người nhưng họ có thể thay đổi qua thời gian và trải nghiệm để phục vụ học sinh tốt hơn.

Một hiệu trưởng khác nói rằng bà nghĩ miền quê nhỏ nơi có ngôi trường của bà đã tạo ra khác biệt lớn về cách nhìn nhận đối với trẻ khuyết tật. Người dân ở đó rất có tinh thần cộng đồng và có lòng trắc ẩn đối với tất cả mọi người trong cộng đồng. Vì tất cả mọi người đều quen biết các giáo viên nên họ đã nhận được tình thương và hỗ trợ từ người dân. Tại trường của bà, hầu như không có vấn đề giáo viên có

thái độ tiêu cực đối với học sinh khuyết tật. Phần lớn giáo viên được tuyển dụng từ cộng đồng và họ đều có quan hệ cá nhân rất tốt với phụ huynh học sinh.

Học hỏi về những khác biệt:

Học sinh bình thường được học hỏi về những khác biệt khi học chung với học sinh khuyết tật. Hầu hết các hiệu trưởng đều nói về việc chuẩn bị, hoặc cố gắng chuẩn bị, cho học sinh bình thường thái độ hoan nghênh, chào đón đối với học sinh khuyết tật. Tuy nhiên việc trao đổi thông tin ở mỗi trường có hình thức và mức độ khác nhau. Hầu hết các trường đều thông tin cho học sinh ở bảng thông báo, ở các cuộc họp hoặc tiết sinh hoạt chủ nhiệm, một số trường lại tiến hành các hoạt động nhóm trong đó học sinh trực tiếp tìm kiếm thức về các loại khuyết tật. Một trường đã sử dụng các câu chuyện để khắc họa thật sống động kiến thức cơ bản về người khuyết tật. Trường này sử dụng phương pháp kể chuyện để giải thích sự khác nhau của con người, giúp chuẩn bị cho học sinh hiểu rõ về tính đa dạng của chúng ta. Hiệu trưởng một trường dạy hòa nhập cho nhiều trẻ khuyết tật về cơ thể thì kể rằng trường của ông đã nói chuyện về việc cần phải làm gì để giúp đỡ về mặt cơ thể.

Ngoài ra, một hiệu trưởng nói rằng nhiều học sinh bình thường đã bắt đầu học cách chấp nhận các người bạn khuyết tật của mình bằng cách làm việc chung nhóm với các học sinh khuyết tật. Các em học hỏi được thể mạnh của từng người và rằng khuyết tật không có nghĩa là ngu ngốc. Các em biết được rằng ai cũng có kỹ năng riêng. Thông qua các hoạt động nhóm, các em học cách chia sẻ, đồng ý, tranh cãi và sau đó các em sẽ đến lúc thấy rằng nếu muốn công việc của cả nhóm được thành công thì mọi người đều phải tham gia và hòa thuận với những người còn lại trong nhóm. Ông giải thích rằng hoạt động nhóm là một phương pháp giảng dạy rất có ích vì nó còn giúp tăng cường quan hệ xã hội cho học sinh.

Một hiệu trưởng khác thì kể một câu chuyện rất cảm động là kết quả của việc dạy cho học sinh về sự khác biệt. Sau giờ tập trung buổi sáng, một cô bé đến gặp hiệu trưởng và xin ông đừng trừng phạt một bạn bị chứng Down khi bạn này đến tập trung trễ. Ông kể lại câu chuyện với một nụ cười: Đó là kết quả của những gì được học. Tôi rất

mừng khi thấy em đã rất đồng cảm với bạn mình. Điều này cho thấy cô bé đã nhận thức được về những người yếu đuối hơn mình và cô bé cũng hiểu rằng những người yếu đuối hơn thì rất cần sự giúp đỡ.

Ảnh hưởng của Văn hóa Thái trong việc dạy hòa nhập cho học sinh khuyết tật: Tiềm năng Phật giáo:

Nghiên cứu này cho thấy tầm quan trọng của việc cần phải lưu ý đến văn hóa độc đáo của Thái lan khi thiết kế hệ thống dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật. Sự thật là Thái lan là một xã hội ảnh hưởng sâu sắc bởi Phật giáo và vì vậy vai trò của lòng từ bi đối với tất cả sự vật và quan điểm về “nghịch chương” trong quan hệ với người khuyết tật là những yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến thái độ của người Thái đối với trẻ em khuyết tật. Nhiều người tham gia vào nghiên cứu này cho rằng lòng từ bi là trung tâm trong hoạt động chuyên môn của họ, đồng thời họ cũng nói về nỗi xấu hổ mà nhiều người cảm thấy về người khuyết tật bởi vì họ bị cho là “đáng phải” chịu như vậy do lỗi lầm của mình từ kiếp trước. Ở một nền văn hóa như Thái lan, nơi mà mọi người rất tôn trọng người lớn tuổi hơn, người giàu hơn, người có chuyên môn cao hay người có vị trí cao hơn trong gia đình, thì sự xấu hổ đóng vai trò trực tiếp trong nỗi sợ do phốt lò. Rất nhiều người sẽ tránh nói về khuyết tật và kết quả là không biết hoặc sợ người khuyết tật. Ở những nơi mà kiến thức có thể được những người có chuyên môn cung cấp thì nhiều phụ huynh, thí dụ, sẽ để việc đó cho những người có chuyên môn và sẽ không có ý kiến gì cả. Điều này cũng đúng với phụ huynh của học sinh bình thường. Dù các phụ huynh này sẵn sàng chấp nhận khuyết tật ở trẻ em khác, điều họ quan tâm đầu tiên là không biết sự có mặt của học sinh khuyết tật như vậy có gây nguy cơ gì cho con cái họ không. Tuy nhiên, lòng mong muốn hợp tác để mang lại điều tốt nhất cho trẻ em đã cân bằng được nỗi sợ và việc thực tập thái độ lịch sự đã được cân bằng hài hòa bởi mong muốn hợp tác và cùng hành động vì lợi ích của trẻ em. Điều này cũng phù hợp với những kết quả nghiên cứu ở Phương Tây (Daane, Beirne-Smith & Latham, 2001).